

ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH HỢP TÁC KINH TẾ CỦA NHẬT BẢN VỚI VIỆT NAM TRONG HAI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ 21

*Trần Quang Minh**

Tóm tắt

Trong hơn một thập kỷ qua, kể từ năm 2000 đến nay, quan hệ Việt Nam - Nhật Bản đã phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Cũng trong thời gian này, Nhật Bản đã có những điều chỉnh chính sách quan trọng đối với Việt Nam, đặc biệt là trong các lĩnh vực kinh tế và chính trị. Bài viết này tập trung phân tích những điều chỉnh chính sách chủ yếu của Nhật Bản đối với Việt Nam trong các lĩnh vực hợp tác về thương mại, đầu tư và ODA.

Kể từ những năm đầu thế kỷ 21 đến nay, quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản đã bước vào một thời kỳ phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết, được minh chứng bằng những dấu mốc quan trọng trong quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước¹. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ trong

* TS, Viện nghiên cứu Đông Á – Thái Bình Dương

¹. Năm 2002, nhân chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Nhật Bản Koizumi, hai nước đã tuyên bố thiết lập quan hệ “*Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài*”. Năm 2004, trong chuyến thăm Việt Nam của Ngoại trưởng Nhật Bản, hai bên đã ra Tuyên bố chung xác định “*Vươn tới tầm cao mới của quan hệ đối tác bền vững*”. Năm 2006, nhân chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Nhật Bản, Shinzo Abe, hai nước đã ra Tuyên bố chung “*Hướng tới đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở Châu Á*”. Năm 2007, nhân chuyến thăm cấp Nhà nước tới Nhật Bản của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, nguyên thủ hai nước đã ký Tuyên bố chung về việc “*Làm sâu sắc hơn quan hệ Việt Nam và Nhật Bản*” và “*Chương trình hợp tác hướng tới quan hệ đối tác chiến lược*”. Năm 2009, nhân chuyến thăm chính thức Nhật Bản của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, hai bên đã ký Tuyên bố chung về “*Quan hệ đối tác chiến lược vì hoà bình và phồn vinh ở Châu Á*”, nhất trí đưa quan hệ hai nước lên tầm đối tác chiến lược. Năm 2010, nhân chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Nhật Bản, Naoto Kan, Thủ tướng hai nước đã ký “*Tuyên bố chung Việt Nam-Nhật Bản về phát triển toàn diện quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở Châu Á*”. Năm 2011, trong chuyến thăm Nhật Bản của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, hai

quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản, chính sách đối ngoại của Nhật Bản đối với Việt Nam cũng đã có những sự điều chỉnh quan trọng theo hướng xây dựng quan hệ đối tác chiến lược ổn định, lâu dài, vì hòa bình và sự phồn vinh ở châu Á. Bài viết này sẽ đề cập đến những điều chỉnh chủ yếu trong chính sách của Nhật Bản đối với Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác kinh tế (thương mại, đầu tư, và ODA) kể từ đầu thế kỷ 21 đến nay.

1. Trong lĩnh vực thương mại

Có thể nói rằng những điều chỉnh quan trọng nhất trong chính sách của Nhật Bản đối với Việt Nam trong lĩnh vực thương mại trong thập niên đầu của thế kỷ 21 được thể hiện một cách tập trung nhất trong các thỏa thuận của *Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA)*.

Kể từ những năm đầu của thế kỷ 21, chính sách thương mại quốc tế của Nhật Bản được điều chỉnh theo hướng tăng cường ký kết các hiệp định mậu dịch tự do trong khu vực. Nhật Bản không chỉ tìm cách ký các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thông thường, đòi hỏi phải loại bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan đối với mậu dịch hàng hóa, mà còn nhấn mạnh đến sự cần thiết phải đẩy mạnh hợp tác kinh tế toàn diện trong các lĩnh vực như dịch vụ, đầu tư, di chuyển lao động... Việc ký kết các hiệp định thương mại khu vực được coi là cách thức tốt nhất để đạt được mục tiêu cuối cùng của Nhật

bên đã ký "*Tuyên bố chung triển khai hành động trong khuôn khổ đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở Châu Á giữa Việt Nam và Nhật Bản*". Năm 2014, trong chuyến thăm cấp nhà nước Nhật Bản của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, hai bên đã ký "*Tuyên bố chung Việt Nam-Nhật Bản về thiết lập quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và thịnh vượng ở châu Á*". Năm 2015, trong chuyến thăm chính thức Nhật Bản của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, hai bên đã ra "*Tuyên bố về tầm nhìn chung quan hệ Việt Nam - Nhật Bản*"; <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/nhung-cot-moc-quan-trong-trong-quan-he-viet-nam-nhat-ban-1125573.tpo>

Bản là thiết lập một cơ cấu phân công lao động quốc tế mới ở Đông Á với vai trò đầu tàu của Nhật Bản. Hiệp đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản được đề xuất và xúc tiến đàm phán để đi đến ký kết đã diễn ra trong bối cảnh đó. Đây là hiệp định tự do hóa thương mại song phương đầu tiên của Việt Nam và là hiệp định đối tác kinh tế thứ mười của Nhật Bản, được xây dựng phù hợp với các chuẩn mực và nguyên tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Việt Nam và Nhật Bản đã nhất trí xúc tiến đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế (EPA) trong chuyến thăm chính thức Nhật Bản cuối năm 2006 của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Phiên đàm phán thứ nhất được bắt đầu ngay sau khi Việt Nam gia nhập WTO vào tháng 1/2007. Sau 9 phiên đàm phán chính thức và nhiều phiên đàm phán không chính thức, hai bên đã hoàn tất thỏa thuận về nguyên tắc vào tháng 9/2008 và chính thức ký hiệp định vào ngày 25/12/2008. Đây là hiệp định đánh dấu 35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, góp phần củng cố và đưa mối quan hệ đối tác giữa Việt Nam và Nhật Bản lên một tầm cao mới.

Hiệp định VJEPA có nội dung toàn diện, bao gồm nhiều lĩnh vực như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, di chuyển của thể nhân. Hiệp định này, cùng với các thỏa thuận kinh tế đã ký trước đó giữa hai nước Việt Nam và Nhật Bản, đã tạo nên một khung khổ pháp lý toàn diện, ổn định và thuận lợi cho hoạt động thương mại và đầu tư của doanh nghiệp hai nước. Nó đã góp phần tăng cường hơn nữa mối quan hệ hiểu biết, gắn bó và giao lưu giữa người dân, giới doanh nghiệp và hai nền văn hoá. Hiệp định này không chỉ có lợi cho hai nước Việt Nam và Nhật Bản mà còn có lợi chung cho khu vực, phù hợp với mục tiêu xây dựng “*Quan hệ đối tác chiến lược vì hoà bình và thịnh vượng ở châu Á*” mà Lãnh đạo hai nước đã nhất trí đề ra từ năm 2006. Việc thực thi VJEPA đã góp phần phát huy tiềm năng, lợi thế của hai nước, nâng cao hiệu quả trong hợp tác kinh tế,

thương mại và đầu tư giữa hai bên, đáp ứng xu thế chung về hội nhập kinh tế của khu vực và thế giới.

Về những nội dung cơ bản của Hiệp định, có thể nói rằng Nhật Bản đã dành những ưu đãi rất đáng kể cho Việt Nam. Có thể kể đến một số ưu đãi quan trọng như:

Thứ nhất là về lộ trình giảm thuế: Hàng Việt Nam nhập vào Nhật Bản được giảm thuế theo lộ trình 10 năm; trong khi lộ trình này đối với hàng Nhật Bản nhập vào Việt Nam là 15 năm.

Thứ hai là về số lượng các dòng thuế được giảm: Nhật Bản giảm tới 93% dòng thuế cho hàng Việt Nam nhập vào Nhật Bản, trong khi con số này đối với hàng Nhật Bản nhập vào Việt Nam là 88%.

Thứ ba là về chủng loại các mặt hàng được giảm thuế: Đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản, phần lớn là các mặt hàng mà Việt Nam có lợi thế xuất khẩu và chiếm tỉ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản như nông, lâm, thủy sản, và dệt may. Trong khi đó, các mặt hàng xuất khẩu của Nhật Bản sang Việt Nam được giảm thuế phần lớn là các sản phẩm mà Việt Nam cần ưu tiên nhập khẩu cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như máy móc điện tử, kim loại, và hóa chất.

Thứ tư là về tỉ lệ cắt giảm thuế: Đối với hàng Việt Nam nhập khẩu vào Nhật Bản, có 1.638 dòng thuế được giảm ở mức tương đương mức cao nhất mà Nhật Bản dành cho các nước ASEAN; trong đó có nhiều dòng thuế có mức cắt giảm cao hơn. Thuế suất bình quân đánh vào hàng hóa của Việt Nam nhập khẩu vào Nhật Bản sẽ giảm dần từ trung bình 5,05% lúc ký kết xuống 2,8% vào năm 2018. Nhật Bản đã cam kết tự do hóa 94,53% tổng KNXK của Việt Nam vào Nhật Bản trong vòng 10 năm, trong đó có 69,6% KNXK của Việt Nam được loại bỏ ngay thuế quan. Đối với hàng nông sản của Việt Nam,

Nhật Bản đã cam kết loại bỏ thuế quan cho 83,8% giá trị nông sản của Việt Nam trong vòng 10 năm, trong đó có 23/30 mặt hàng nông sản được hưởng thuế suất 0% ngay lập tức hoặc qua lộ trình không đến 10 năm. Các mặt hàng tôm sẽ được giảm thuế suất nhập khẩu xuống còn 1-2% ngay lập tức; các mặt hàng chế biến từ tôm được giảm xuống còn 3,2%-5,3% ngay lập tức; mặt hàng mực đông lạnh được giảm xuống còn 3,5% trong vòng 5 năm. Những mức giảm thuế suất này áp dụng cho Việt Nam là cao nhất trong số các Hiệp định đối tác kinh tế mà Nhật Bản đã ký với các nước ASEAN. Ví dụ, tỷ lệ tự do hóa Nhật Bản dành cho Malaysia là 94% đối với hàng công nghiệp và 56,4% đối với nông nghiệp; con số tương tự đối với Philippines là 92% và 42,6%.

Đối với hàng Nhật Bản nhập khẩu vào Việt Nam, mức cắt giảm thuế quan được giảm dần từ mức trung bình 14% (2009) xuống 7% (2018); trong đó các loại động cơ, linh kiện ô tô, máy tính sẽ được giảm còn từ 3-12% trong vòng 10-15 năm, thép tấm giảm từ 0-15% trong 15 năm.

Thứ năm, vì đây là một hiệp định đối tác kinh tế toàn diện, chứ không đơn thuần là một hiệp định thương mại tự do, nên cùng với thương mại hàng hóa, chính sách của Nhật Bản trong các lĩnh vực dịch vụ và đầu tư cũng có những điều chỉnh quan trọng như: cải thiện môi trường kinh doanh, di chuyển lao động, hợp tác về tiêu chuẩn kỹ thuật, đào tạo y tá, hộ lý, và hỗ trợ Việt Nam phát triển ngành công nghiệp phụ trợ...

Trong giai đoạn đầu của hiệp định, hai bên sẽ ưu tiên xây dựng một số dự án hợp tác hỗ trợ nhân sự, trong đó có việc xây dựng các cơ sở đào tạo điều dưỡng viên tại Việt Nam để đưa sang Nhật Bản làm việc. Nhật Bản là quốc gia có yêu cầu rất khắt khe đối với nhân sự là điều dưỡng viên nước ngoài vào làm việc tại Nhật. Việc chủ trương đào tạo các y tá, hộ lý của Việt Nam để đưa sang Nhật làm việc là một trong những điều chỉnh chính sách đáng kể của Nhật Bản trong lĩnh vực hợp tác về lao động và dịch vụ.

Bên cạnh đó, Nhật Bản cũng đề xuất việc thiết lập cơ chế đối thoại doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, xây dựng các ngành công nghiệp phụ trợ, nâng cao năng lực kiểm định vệ sinh, an toàn thực phẩm, chất lượng ngành trồng trọt và hỗ trợ hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chất lượng cho Việt Nam.

Như vậy, việc ký kết Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) đã tạo dựng nền tảng vững chắc cho việc hình thành một khu vực thương mại tự do song phương Việt Nam-Nhật Bản (VJFTA), trong đó hàng hoá, vốn, công nghệ, lao động sẽ được lưu chuyển thông thoáng, thuận lợi.

Nếu so sánh Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEPA) chính thức có hiệu lực kể từ ngày 1/12/2008 và VJEPA chính thức có hiệu lực từ tháng 01/10/2009 chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy là trong VJEPA Nhật Bản đã dành cho Việt Nam những cam kết sâu hơn so với AJCEPA. Với Hiệp định này, doanh nghiệp hai nước có nhiều điều kiện thuận lợi tìm kiếm cơ hội hợp tác kinh doanh, nhờ môi trường pháp lý được mở rộng và thông thoáng hơn cho doanh nghiệp hai nước. Và với việc cả hai hiệp định (khu vực và song phương) tồn tại song song, nên hai bên có thể sử dụng mức ưu đãi cao nhất của một trong hai Hiệp định này. Ví dụ, doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ Nhật Bản nếu có đủ điều kiện xuất xứ sẽ được áp dụng mức ưu đãi có lợi hơn theo AJCEPA hoặc VJEPA. Tương tự như vậy, doanh nghiệp Nhật Bản nhập khẩu từ Việt Nam cũng có thể lựa chọn mức ưu đãi có lợi hơn của một trong 2 Hiệp định này.

2. Trong lĩnh vực đầu tư

Những điều chỉnh chính sách của Nhật Bản đối với Việt Nam từ năm 2000 đến nay trong lĩnh vực đầu tư được thể hiện rõ nhất trong những cam kết của Nhật Bản trong các chương trình hành động thực hiện *Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản nhằm cải thiện môi trường đầu tư và tăng cường sức cạnh tranh của Việt Nam* (sau đây gọi tắt là *Sáng kiến chung Việt - Nhật*)

được đề xuất và nhất trí giữa Thủ tướng Việt Nam - Phan Văn Khải, và Thủ tướng Nhật Bản - Koizumi vào ngày 7/4/2003.

- Lý do đề xuất: VN mất dần lợi thế cạnh tranh so với các nước ASEAN trong việc thu hút FDI từ Nhật Bản và các nước khác nói chung; FDI của Nhật Bản vào Việt Nam có quy mô nhỏ và tăng chậm so với các nước khác. Vì vậy, sáng kiến này có mục đích tăng cường sức cạnh tranh về kinh tế của Việt Nam thông qua xúc tiến đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Mục tiêu cụ thể của Sáng kiến này là chia sẻ, áp dụng các chính sách, biện pháp đặc biệt và ưu tiên, với phương châm phát huy triệt để sự tham gia và cam kết một cách tích cực của chính phủ hai nước. Sáng kiến này được thực hiện trên nhiều lĩnh vực và nhất là trong lĩnh vực đầu tư như luật đầu tư, cơ chế hành chính, thủ tục hành chính, phát triển và xây dựng chiến lược thu hút đầu tư, xây dựng chương trình xúc tiến thương mại...

- Yêu cầu đặt ra cho sự tăng trưởng FDI của Việt Nam trong bối cảnh mới là (1) Cần có *Chiến lược xúc tiến đầu tư* nhằm tạo những điều kiện thuận lợi, hấp dẫn đối với các nhà đầu tư tiềm năng; và (2) Cần *cải thiện môi trường đầu tư* nhằm xóa bỏ các trở ngại đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư.

- Các vấn đề cần giải quyết để đáp ứng được hai yêu cầu trên là: (1) Rà soát lại các quy định pháp luật liên quan đến đầu tư; (2) Nâng cao năng lực của các cơ quan thực thi; (3) Hoàn thiện thể chế liên quan đến đầu tư; và (4) Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế.

Trước các yêu cầu đặt ra và những vấn đề cấp bách cần phải giải quyết nhằm giúp Việt Nam xây dựng chiến lược thu hút FDI và cải thiện môi trường đầu tư, trong bối cảnh hai nước đã nâng tầm quan hệ lên mức *Đối tác toàn diện trong thế kỷ 21*, Chính phủ Nhật Bản đã nhất trí cùng với Chính phủ Việt Nam thảo luận và tìm ra những giải pháp và bước đi thích hợp. Tính đến nay, *Sáng kiến chung Việt - Nhật* đã trải qua 6 giai đoạn: (1) 12/2003-11/2005; (2)

7/2006 – 11/2007; (3) 11/2008-12/2010; (4) 7/2011 – 12/2012; (5) 7/2013-12/2014; (6) 8/2016 -12/2017, và đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Giai đoạn 7 của sáng kiến chung Việt – Nhật dự kiến sẽ tập trung sâu vào những vấn đề vĩ mô gắn với những khuyến nghị chính sách lớn, khả thi, góp phần cải thiện môi trường đầu tư Việt Nam, đẩy mạnh hơn nữa đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam và củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai quốc gia.

Dưới đây là một số nội dung chủ yếu về những cam kết của Nhật Bản đối với Việt Nam trong việc thực hiện *Sáng kiến chung Việt - Nhật*.

+ *Thứ nhất*, trong việc xây dựng và thực hiện *Chiến lược xúc tiến đầu tư*, Nhật Bản đã cam kết hợp tác và giúp đỡ Việt Nam trong các lĩnh vực chủ yếu như:

- Hỗ trợ Việt Nam xây dựng chính sách phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ;

- Hỗ trợ kỹ thuật: xây dựng các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cử chuyên gia kỹ thuật sang VN để hỗ trợ kiểm tra công nghệ;

- Giúp Việt Nam đào tạo nhân lực quản lý;

- Tổ chức các cuộc trao đổi giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ của hai nước và các hội chợ thương mại nhằm cung cấp thông tin về cơ hội đầu tư;

- Tổ chức các cuộc hội thảo kết nối doanh nghiệp VN và NB nhằm cung cấp các thông tin kỹ thuật về nhu cầu nội địa đối với các chi tiết sản phẩm mà các nhà đầu tư ở VN đang tìm kiếm;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp NB trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ đầu tư vào các ngành công nghiệp phụ trợ do VN chỉ định.

- Hợp tác trong việc tăng cường hỗ trợ các hoạt động xúc tiến đầu tư ra nước ngoài của VN, trong đó có việc hỗ trợ VN thiết lập Văn phòng xúc tiến đầu tư tại NB.

+ *Thứ hai*, trong lĩnh vực cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam, Nhật Bản đã cam kết hợp tác và giúp đỡ Việt Nam trong các lĩnh vực chủ yếu như:

- Giúp Việt Nam xây dựng cơ sở hạ tầng phần mềm liên quan đến đầu tư như: (1) Cải thiện quy trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; (2) Cải thiện công tác thi hành án; (3) Đào tạo chuyên gia pháp luật; (4) Xây dựng luật cạnh tranh; (5) Công bố chuẩn mực kế toán quốc tế; (6); xây dựng chế độ thanh toán bằng séc/hối phiếu; (7) Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn công nghiệp và đo lường; (8) Đào tạo nhân lực cho ngành công nghệ thông tin, đào tạo nghề; (9) Hoàn thiện hệ thống thống kê kinh tế nhằm tăng cường năng lực cho các cơ quan thống kê.

- Giúp Việt Nam xây dựng các hạng mục quan trọng của cơ sở hạ tầng kinh tế như: (1) Giao thông và các chức năng đô thị; (2) Nâng cao hiệu quả vận tải và lưu thông; (3) Phát triển điện lực; (4) Cải thiện cơ sở hạ tầng viễn thông; (5) Xử lý nước thải và chất thải công nghiệp; (5) Định hướng sử dụng ODA vào phát triển hạ tầng kinh tế; (6) Phát triển công nghiệp ô tô; (7) Phát triển công nghiệp xe máy; (8) Phát triển công nghiệp điện và điện tử; (9) Phát triển công nghiệp sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng; (10) Cải thiện hệ thống thanh toán của Ngân hàng ngoại thương VN (Vietcombank).

3. Trong lĩnh vực Viện trợ phát triển chính thức

Nhật Bản đã có những điều chỉnh chính sách quan trọng trong lĩnh vực Viện trợ phát triển chính thức (ODA) cho Việt Nam kể từ đầu thế kỷ 21 đến nay. Có thể kể đến một số điều chỉnh chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, Nhật Bản đã dành cho Việt Nam vị trí ưu tiên cao nhất trong chính sách ODA của mình. Theo ông Tsuno Motonori, Trưởng đại diện JICA tại Việt Nam, “Trong hợp tác ODA Nhật Bản hỗ trợ cho các nước đang phát triển trên thế giới, thì hợp tác với Việt nam có quy mô lớn nhất và Việt Nam cũng là đối tác quan trọng nhất của Nhật Bản về ODA”². Điều này được minh chứng rất rõ qua các số liệu sau: Năm 2001, Nhật Bản cắt giảm 10% ngân sách ODA cho các nước nói chung, nhưng ODA dành cho Việt Nam vẫn tăng. Năm 2003, tổng ngân sách ODA của Nhật Bản tiếp tục bị cắt giảm 5,8%, nhưng ODA dành cho Việt Nam vẫn đạt con số gần 100 tỷ yên tương đương mức của năm 2002. Điều này cũng có nghĩa là ngân sách ODA dành cho các nước khác bị cắt giảm song ODA dành cho Việt Nam vẫn được giữ nguyên. Năm 2011, trong bối cảnh phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của trận động đất, sóng thần và sự cố hạt nhân ngày 11/3, ngân sách ODA của Nhật Bản phải cắt giảm mạnh để phục vụ cho nhu cầu tái thiết các khu vực bị thiệt hại sau thảm họa kép đó, song ODA của Nhật Bản dành cho Việt Nam vẫn tăng mạnh và đạt tới mức kỷ lục chưa từng có trước đó (275 tỷ yên, tương đương 3,4 tỷ USD). Theo Ngài Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam, ông Yasuaki Tanizaki, đây là mức kỷ lục trong lịch sử cung cấp ODA ra nước ngoài của Nhật Bản.

Vậy, nguyên nhân nào đã thúc đẩy Nhật Bản dành ưu tiên rất lớn cho Việt Nam trong lĩnh vực ODA như vậy? Theo ông Tsuno Motonori, Trưởng đại diện JICA tại Việt Nam, có 3 lý do chính: Một là, ODA dành cho Việt nam đã và đang được sử dụng hiệu quả và đạt được kết quả to lớn và trên cơ sở đó Nhật Bản tin tưởng và kỳ vọng vào Việt Nam; Hai là ODA của Nhật Bản không những đóng góp cho sự phát triển của Việt Nam, mà trong đó còn là mối quan hệ lợi ích song phương, cùng phát triển thông qua việc Nhật Bản

² . Tsuno Motonori, *Việt Nam là đối tác ODA quan trọng nhất của Nhật Bản*, <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/vi-mo/2013/01/viet-nam-la-doi-tac-oda-quan-trong-nhat-cua-nhat/>

và Việt Nam cùng hợp tác với tư cách là đối tác chiến lược; và Ba là ODA của Nhật Bản đã và đang góp phần to lớn vào việc tăng cường mối quan hệ hữu nghị giữa hai chính phủ và nhân dân hai nước. Việt Nam là nước có mối quan hệ lịch sử lâu dài với Nhật Bản và người dân Nhật Bản luôn cảm thấy Việt Nam là nước gần gũi nhất trong các nước Đông Nam Á³.

Thứ hai, lĩnh vực ưu tiên tài trợ ODA của Nhật Bản cho Việt Nam đã có sự chuyển hướng căn bản. Từ chỗ trước đây ODA của Nhật Bản cho Việt Nam được tập trung vào 5 lĩnh vực cơ bản bao gồm (1) phát triển nguồn nhân lực và xây dựng thể chế; (2) xây dựng và cải tạo các công trình giao thông và điện lực; (3) phát triển nông nghiệp và xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn; (4) phát triển giáo dục đào tạo và y tế; (5) bảo vệ môi trường, thì từ năm 2000 đến nay, ODA của Nhật Bản cho Việt Nam được tập trung chủ yếu vào việc xây dựng các cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các cơ sở hạ tầng giao thông quan trọng, phục vụ cho công cuộc CNH, HĐH của Việt Nam. Nhật Bản coi việc xây dựng và trang bị cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn ODA là một yếu tố quan trọng để cải thiện môi trường đầu tư và góp phần thúc đẩy đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam. Nhật Bản đã và đang hỗ trợ nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng mang tầm chiến lược của Việt Nam như: cảng biển (cảng Hải Phòng, cảng Lạch Huyện - Hải Phòng, cảng Cái Mép - Thị Vải), sân bay (Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Long Thành), đường bộ cao tốc (quốc lộ 1, quốc lộ 10, Đại lộ Đông-Tây), đường sắt (đường sắt Bắc - Nam, đường sắt nội đô tại Hà Nội và thành phố HCM), cầu và đường hầm (cầu Bãi Cháy, cầu Tân Đệ, cầu Cần Thơ, cầu Nhật Tân; đường hầm Hải Vân, đường hầm Thủ Thiêm), năng lượng (nhà máy nhiệt điện Phả Lại, nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ, nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2), khoa học công nghệ (khu công nghệ cao Hòa Lạc...).

³. Tsuno Motonori, *Việt Nam là đối tác ODA quan trọng nhất của Nhật Bản*, <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/vi-mo/2013/01/viet-nam-la-doi-tac-oda-quan-trong-nhat-cua-nhat>

Thứ ba, ODA của Nhật Bản cho Việt Nam chú trọng đẩy mạnh quan hệ hợp tác công - tư (PPP). Các dự án ODA sẽ đóng vai trò kết nối các doanh nghiệp công - tư của Nhật Bản và Việt Nam, huy động vốn và công nghệ của tư nhân vào việc hợp tác thực hiện các dự án do ODA mở đường tại Việt Nam. Vì vậy, việc mở rộng các đối tác tham gia vào các dự án ODA ngày càng được chú trọng. Trong đó, các doanh nghiệp Nhật Bản đã và đang được huy động tham gia vào hàng loạt dự án xây dựng cơ sở hạ tầng tại Việt Nam được hỗ trợ bởi nguồn vốn ODA.

*

* *

Tóm lại, kể từ đầu thế kỷ 21 đến nay, dưới tác động của bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình nội tại của hai nước Việt Nam và Nhật Bản, Nhật Bản đã có những điều chỉnh chính sách quan trọng với Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác kinh tế. Những điều chỉnh chính sách này đã góp phần tích cực tạo nên những thành quả rất đáng khích lệ trong quan hệ kinh tế giữa hai nước:

Quan hệ thương mại Việt Nam – Nhật Bản trong gần hai thập niên đầu thế kỷ 21 đã có bước phát triển vượt bậc so với trước. Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Nhật Bản đã tăng rất nhanh qua các năm. Trong nhiều năm qua, Nhật Bản luôn là một trong 3 đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam (cùng với Trung Quốc và Mỹ). Tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Nhật Bản luôn vận động theo xu hướng đi lên, dường như không có năm nào đi xuống trừ năm 2009 do khủng hoảng tài chính toàn cầu. Các con số thống kê đã cho thấy chiều hướng vận động tích cực của hoạt động trao đổi thương mại Việt – Nhật theo thời gian: 2005: 10 tỷ USD; 2010: 16 tỷ USD; 2015: 28 tỷ USD⁴; 2017: 33,84 tỷ USD⁵. Theo dự

⁴ . Thương mại hàng hóa giữa Việt Nam - Nhật Bản và nhóm nước G7 những bước phát triển vượt bậc

báo, chiều hướng này chắc chắn sẽ còn tiếp tục được duy trì trong thời gian tới.

Với sự giúp đỡ của Nhật Bản trong việc thực hiện Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản, môi trường đầu tư của Việt Nam đã được cải thiện rất đáng kể. Vốn FDI của Nhật Bản vào Việt Nam tăng nhanh qua các năm, đặc biệt là trong các năm gần đây. Tính đến hết năm 2017, các nhà đầu tư Nhật Bản đã đầu tư vào Việt Nam 3.599 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 49,46 tỷ USD⁶. Hiện nay, Nhật Bản là nhà đầu tư lớn thứ hai tại Việt Nam sau nhiều năm ở vị trí thứ 3 hoặc thứ tư. Cơ cấu đầu tư đã có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng nhanh trong các ngành công nghiệp nặng, chế tạo, chế biến; và trải rộng ra nhiều vùng sâu, vùng xa. Nhật Bản là một trong các đối tác đầu tư rất chú trọng vào khu vực sản xuất vật chất, đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp. Tính đến nay, công nghiệp nặng chiếm 1/3 số dự án và chiếm 50% tổng vốn đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam, sau đó đến các dự án trong các ngành công nghiệp nhẹ, giao thông vận tải, bưu điện... Tỷ lệ đầu tư vào các ngành công nghiệp nặng, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế ngày càng tăng qua các năm.

Từ năm từ 2001 đến nay, Nhật Bản luôn dẫn đầu trong danh sách các quốc gia viện trợ ODA song phương cho Việt Nam. Giá trị ODA Nhật Bản dành cho Việt Nam chiếm tới gần 1/3 (30%) tổng vốn ODA của tất cả các nước cam kết dành cho Việt Nam. Một số dự án lớn sử dụng nguồn vốn ODA của Nhật Bản tại Việt Nam có thể kể đến như: *cảng Lạch Huyện, sân bay quốc tế Long Thành, các tuyến đường sắt đô thị tại hai thành phố lớn của Việt*

<https://customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=958&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20chuy%C3%AAn%20%C4%91%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>

⁵ *Đào chiều cán cân thương mại Việt - Nhật*, <https://baomoi.com/dao-chieu-can-can-thuong-mai-viet-nhat/c/26254551.epi>

⁶ *Đầu tư Nhật Bản vào Việt Nam- Tiếp tục khởi sắc*, <https://baomoi.com/dau-tu-nhat-ban-vao-viet-nam-tiep-tuc-khoi-sac/c/24817304.epi>

Nam là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, cầu Nhật Tân, sân bay quốc tế Nội Bài...

Năm 2018 là năm kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa Việt Nam và Nhật Bản. Trên cơ sở những thành tựu hợp tác giữa hai nước trong 45 năm qua, đặc biệt là trong hai thập niên đầu thế kỷ 21, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin rằng quan hệ giữa hai nước trong mọi lĩnh vực, nhất là về kinh tế, sẽ phát triển nhanh và mạnh hơn nữa trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hồng Vân, *Phát triển quan hệ hợp tác Việt – Nhật theo hướng đối tác tin cậy và ổn định lâu dài*, Tạp chí Thương mại, Số 15/2003.

Hợp tác thương mại Việt - Nhật lên tầm cao mới, <http://vietnamnet.vn/vn/quoc-te/49126/hop-tac-thuong-mai-viet-nhat-len-tam-cao-moi.html>

Nhật Bản tăng tài trợ ODA cho Việt Nam, <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Nhat-Ban-tang-tai-tro-ODA-cho-Viet-Nam/201212/156440.vgp>

Phùng Văn, *Tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp*, Thời báo kinh tế Việt Nam, ngày 26/3/2011.

Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản, <http://vietbao.vn/Van-hoa/Sang-kien-chung-Nhat-Ban-Viet-Nam/10892643/181/>

Trần Phương Anh, *Thương mại Việt Nam – Nhật Bản trong tiến trình phát triển quan hệ giữa hai nước*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

Trần Quang Minh - Phạm Quý Long (Chủ biên), *Xây dựng đối tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản: Nội dung và lộ trình*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2011.

Tsuno Motonori, *Việt Nam là đối tác ODA quan trọng nhất của Nhật Bản*, <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/vi-mo/2013/01/viet-nam-la-doi-tac-oda-quan-trong-nhat-cua-nhat>

Trần Quang Minh - Phạm Quý Long (Chủ biên), *Xây dựng đối tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản: Nội dung và lộ trình*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2011.

Trần Quang Minh (2008), “*Quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản: Thành tựu và Triển vọng*”, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 11(11) tháng 11/2008, tr.17-24.

Trần Quang Minh (Chủ biên), *Thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Nhật Bản trong bối cảnh mới ở Đông Á*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 2015

Trần Quang Minh – Ngô Hương Lan (Chủ biên), *Xây dựng xã hội phát triển bền vững: Hợp tác Việt Nam – Nhật Bản*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 2018.